

Số: 489/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 4 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách  
Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 30**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2025 cho các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 812/BC-DT ngày 28 tháng 4 năm 2024 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, số tiền 135.802 triệu đồng. Cụ thể:

**1.1.** Cấp tỉnh: 12.090 triệu đồng cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Trường Cao đẳng Y tế, Trường Cao đẳng Sơn La.

**1.2.** Cấp huyện: 123.712 triệu đồng cho Thành phố và 6 huyện: Thuận Châu, Bắc Yên, Mường La, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Sốp Cộp.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1.** Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**2.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 30, thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Thành ủy; và các huyện ủy Thuận Châu, Bắc Yên, Mường La, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Sốp Cộp;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố và các huyện Thuận Châu, Bắc Yên, Mường La, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Sốp Cộp;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT,DT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thái Hưng**





## Phụ biểu

### Phê duyệt phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

(Kèm theo Nghị quyết số 489/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Các sở, ngành, địa phương | Tổng    | Dự án 1 -<br>Tiểu dự<br>án 1: Hỗ<br>trợ phát<br>triển hạ<br>tầng<br>KTXH tại<br>các huyện<br>nghèo | Dự án 2:<br>Đa dạng<br>hoá sinh<br>kế, phát<br>triển mô<br>hình giảm<br>nghèo | Dự án 3:<br>Hỗ trợ<br>phát triển<br>sản xuất,<br>cải thiện<br>đinh<br>dưỡng | Trong đó                                                                              |                                             | Dự án 4:<br>Phát triển<br>giáo dục<br>nghề<br>nghiệp,<br>việc làm<br>bền vững | Trong đó                                                                                  |                                                 | Dự án 5:<br>Hỗ trợ<br>nhà ở hộ<br>nghèo, hộ<br>cận nghèo<br>trên địa<br>bàn các<br>huyện<br>nghèo | Dự án 6 -<br>Tiểu dự<br>án 2:<br>Truyền<br>thông về<br>giảm<br>nghèo đa<br>chiều | Dự án 7:<br>Nâng cao<br>năng lực<br>và giám<br>sát đánh<br>giá<br>Chương<br>trình |
|-----|---------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|     |                           |         |                                                                                                    |                                                                               |                                                                             | Tiểu dự án<br>1: Hỗ trợ<br>phát triển<br>sản xuất<br>trong lĩnh<br>vực nông<br>nghiệp | Tiểu dự án<br>2: Cải<br>thiện dinh<br>dưỡng |                                                                               | Tiểu dự án<br>1: Phát triển<br>giáo dục<br>nghề nghiệp<br>vùng nghèo,<br>vùng khó<br>khăn | Tiểu dự án<br>3: Hỗ trợ<br>việc làm<br>bền vững |                                                                                                   |                                                                                  |                                                                                   |
|     | Tổng cộng                 | 135.802 | 16.945                                                                                             | 83.573                                                                        | 14.266                                                                      | 12.199                                                                                | 2.067                                       | 12.638                                                                        | 11.710                                                                                    | 928                                             | 4.684                                                                                             | 2.111                                                                            | 1.585                                                                             |
| I   | Cấp tỉnh <sup>1</sup>     | 12.090  | -                                                                                                  | -                                                                             | 280                                                                         | -                                                                                     | 280                                         | 11.710                                                                        | 11.710                                                                                    | -                                               | -                                                                                                 | 100                                                                              | -                                                                                 |
| II  | Cấp huyện                 | 123.712 | 16.945                                                                                             | 83.573                                                                        | 13.986                                                                      | 12.199                                                                                | 1.787                                       | 928                                                                           | -                                                                                         | 928                                             | 4.684                                                                                             | 2.011                                                                            | 1.585                                                                             |
| 1   | Thành phố                 | 150     |                                                                                                    |                                                                               | -                                                                           |                                                                                       |                                             | -                                                                             |                                                                                           |                                                 |                                                                                                   | 150                                                                              |                                                                                   |
| 2   | Huyện Thuận Châu          | 53.710  | 5.945                                                                                              | 45.476                                                                        | 590                                                                         |                                                                                       | 590                                         | -                                                                             |                                                                                           |                                                 | 920                                                                                               | 779                                                                              |                                                                                   |
| 3   | Huyện Bắc Yên             | 10.536  |                                                                                                    | 5.335                                                                         | 2.863                                                                       | 2.199                                                                                 | 664                                         | 808                                                                           |                                                                                           | 808                                             |                                                                                                   | 215                                                                              | 1.315                                                                             |
| 4   | Huyện Mường La            | 10.000  |                                                                                                    |                                                                               | 10.000                                                                      | 10.000                                                                                |                                             | -                                                                             |                                                                                           |                                                 |                                                                                                   |                                                                                  |                                                                                   |
| 5   | Huyện Quỳnh Nhai          | 1.040   |                                                                                                    |                                                                               | 50                                                                          |                                                                                       | 50                                          | 120                                                                           |                                                                                           | 120                                             |                                                                                                   | 600                                                                              | 270                                                                               |
| 6   | Huyện Sông Mã             | 750     |                                                                                                    |                                                                               | 483                                                                         |                                                                                       | 483                                         | -                                                                             |                                                                                           |                                                 |                                                                                                   | 267                                                                              |                                                                                   |
| 7   | Huyện Sốp Cộp             | 47.526  | 11.000                                                                                             | 32.762                                                                        | -                                                                           |                                                                                       |                                             | -                                                                             |                                                                                           |                                                 | 3.764                                                                                             |                                                                                  |                                                                                   |

(1) Giao UBND tỉnh giao dự toán chi tiết cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh thực hiện, đảm bảo theo quy định.